

Chính sách tốt, Kinh tế mạnh

VEPR



Báo cáo Kinh tế Vĩ mô Việt Nam Quý 4 -2019

**Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR)
Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội**

*Được thực hiện với sự hỗ trợ của
Quỹ Konrad Adenauer Stiftung*

Hà Nội, ngày 16/01/2020

VEPR

Kinh tế thế giới

- Theo Ngân hàng Thế giới, tăng trưởng kinh tế các nước trên thế giới tiếp tục suy giảm trong năm 2020.
- Giá dầu biến động bất thường do căng thẳng thương mại Mỹ-Trung, Nhật-Hàn, căng thẳng địa chính trị Trung Đông.
- Kinh tế Mỹ tăng trưởng nhẹ. Lạm phát đạt 2,05% trong khi Fed quyết định hạ lãi suất xuống còn 1,5%-1,75% trong tháng Mười Một.
- Lo lắng trước tình hình kinh tế có thể suy giảm sâu hơn, Chính phủ Nhật tung gói kích cầu trị giá 13,2 nghìn tỷ Yên

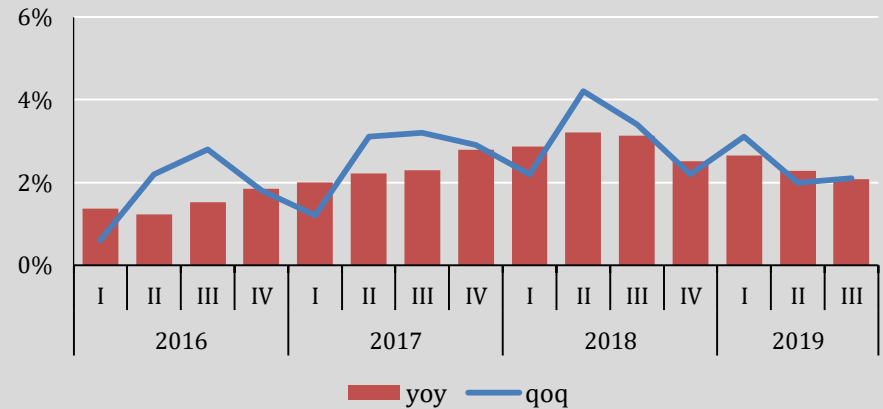
	WEO (10/2019)			GEP (1/2020)		
	2018e	2019p	2020p	2019e	2020p	2021p
Toàn cầu	3,6	3,0 (-0,2)	3,4 (-0,1)	3,2	2,5 (-0,2)	2,6 (-0,2)
Các nền kinh tế phát triển	2,2	1,7 (-0,2)	1,7 (0,0)	1,6	1,4 (-0,1)	1,5 (0,0)
Mỹ	2,9	2,4 (-0,2)	2,1 (0,2)	2,3	1,8 (0,1)	1,7 (0,1)
Khu vực đồng tiền chung Châu Âu	1,8	1,2 (-0,1)	1,4(-0,2)	1,1	1,0 (-0,4)	1,3 (0,0)
Anh	1,4	1,2 (-0,1)	1,4 (0,0)		1,4 (-0,1)	1,7 (0,0)
Nhật Bản	0,8	0,9 (0,0)	0,5 (0,1)	1,1	0,7 (0,0)	0,6 (0,0)
Các nước mới nổi và đang phát triển	4,5	3,9 (-0,2)	4,6 (-0,1)	3,5	4,1 (-0,5)	4,3 (-0,3)
Nga	2,3	1,1 (-0,1)	1,9 (0,0)	1,2	1,6 (-0,2)	1,8 (0,0)
Trung Quốc	6,6	6,1 (-0,1)	5,8 (-0,2)	6,1	6,2 (-0,2)	6,1 (-0,2)
Ấn Độ	7,1	6,1 (-0,9)	7,0 (-0,2)	5,0	5,8 (-1,7)	6,1 (-1,4)
Brazil	1,1	0,9 (0,1)	2,0 (-0,4)	1,1	2,0 (-0,5)	2,5 (0,2)
Nam Phi	0,8	0,7 (0,0)	1,1 (0,0)	0,4	0,9 (-0,6)	1,3 (-0,4)
Các nước ASEAN-5	5,2	4,8 (-0,2)	4,9 (-0,2)			
Indonesia	5,2	5,0 (-0,2)	5,1 (-0,1)	5,0	5,1 (-0,2)	5,2 (-0,1)
Malaysia	4,7	4,5 (-0,2)	4,4 (-0,4)	4,6	4,5(-0,1)	4,5 (-0,1)
Philippines	6,2	5,7 (-0,8)	6,2 (-0,4)	5,8	6,1 (-0,4)	6,2 (-0,3)
Thái Lan	4,1	2,9 (-0,6)	3,0 (-0,5)	2,5	2,7 (-0,9)	2,8 (-0,9)
Việt Nam	7,1	6,5 (0,0)	6,5 (0,0)	6,8	6,5 (0,0)	6,5 (0,0)
Lào	6,3	6,4 (-0,3)	6,5 (-0,3)	5,2	5,8 (-0,9)	5,7 (-0,9)
Campuchia	7,5	7,0 (0,2)	6,8 (0,1)	7,0	6,8 (-0,1)	6,8 (0,0)
Myanmar	6,8	6,2 (-0,2)	6,3 (-0,3)	6,6	6,7 (0,1)	6,8 (0,0)

Lưu ý: () chỉ mức độ thay đổi so với lần dự báo gần nhất; e chỉ số ước tính; p chỉ số dự báo

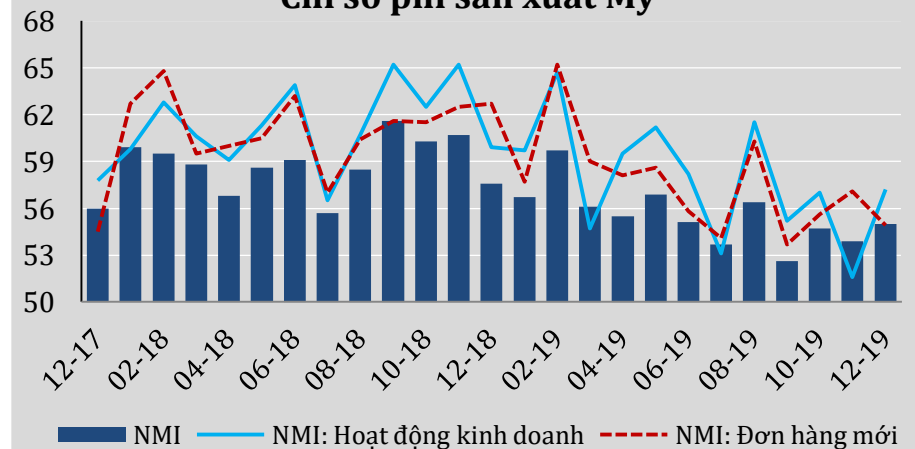
VEPR Kinh tế Mỹ

- Tăng trưởng của GDP Mỹ Quý 3/2019 sụt giảm chỉ đạt 2,1% (qoq) và 2,07% (yoy) do sự suy thoái trong đầu tư, hàng tồn kho tăng và chiến tranh thương mại.
- Các chỉ báo về sản xuất và dịch vụ đều giảm trong Quý 4.

Tăng trưởng kinh tế Mỹ

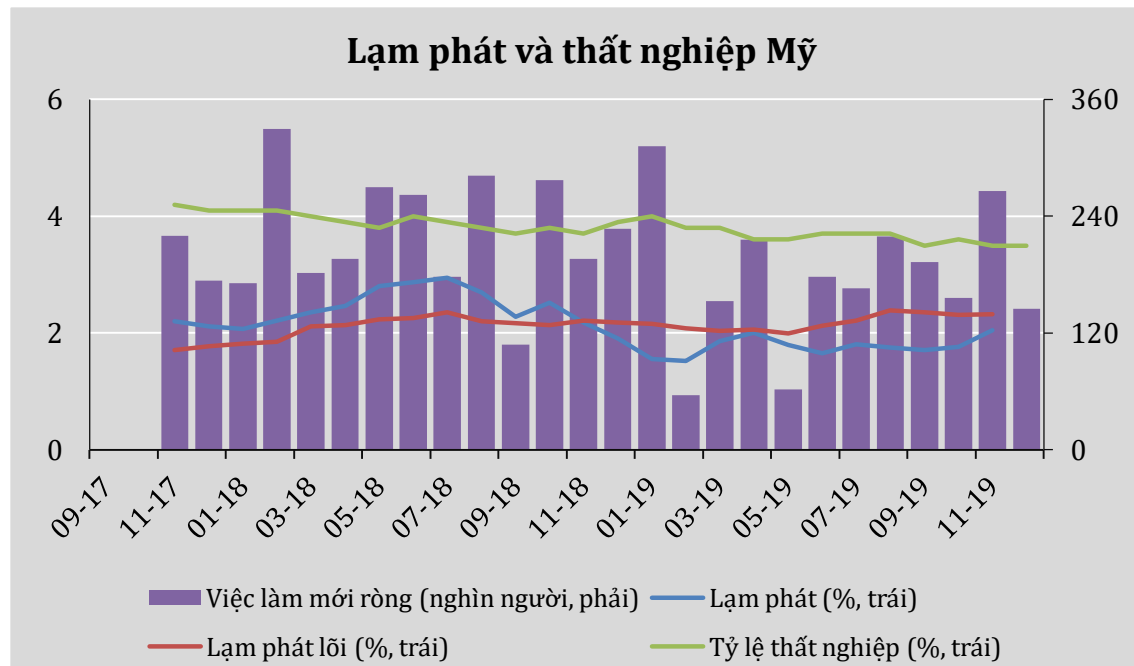


Chỉ số phi sản xuất Mỹ

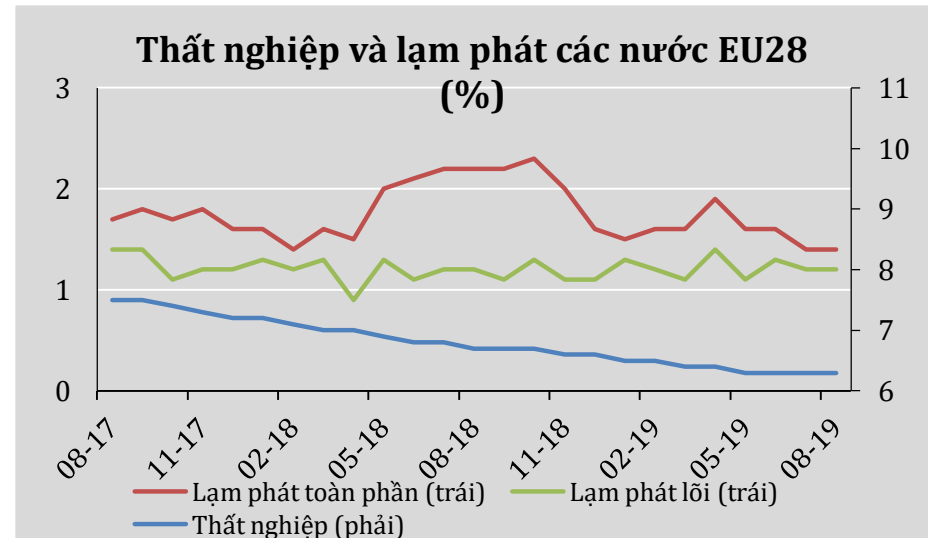
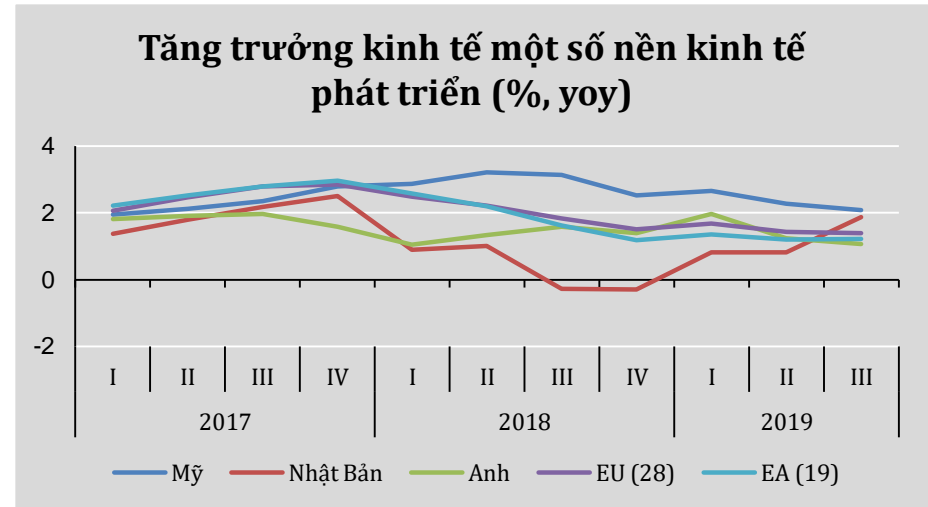


VEPR Kinh tế Mỹ

- Tỷ lệ thất nghiệp (đã điều chỉnh mùa vụ) giảm xuống còn 3,5% .
- Lạm phát toàn phần tăng, đạt mức mục tiêu 2,03%.
- Tính hết năm tài khóa 2019, thâm hụt ngân sách nước Mỹ lên tới 984,4 tỷ USD chủ yếu do chi tiêu cho quốc phòng, y tế và trả lãi tăng.

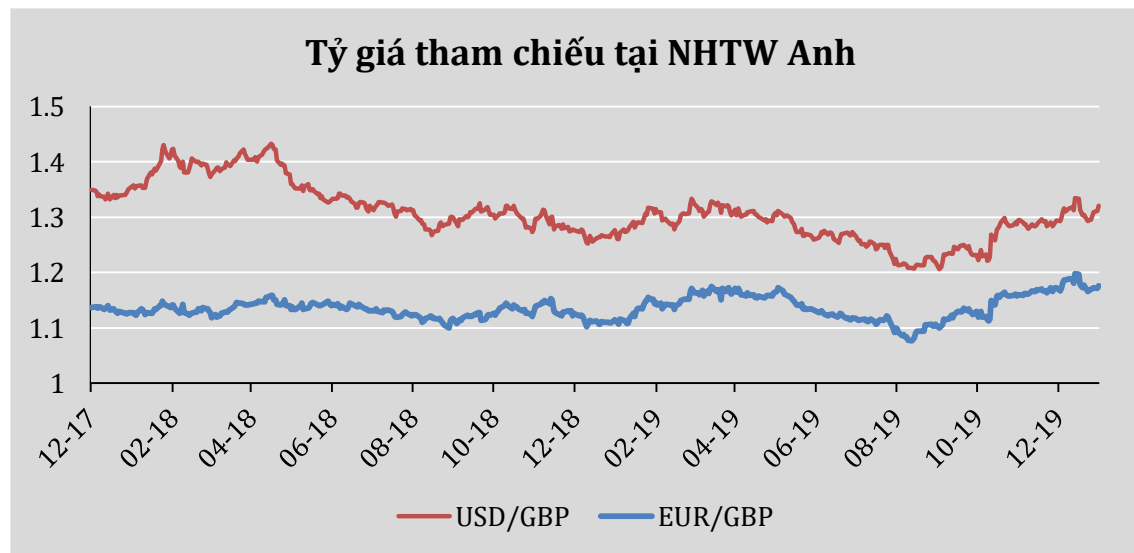


- EU28 và EA19 tăng trưởng 1,39% (yoy) và 1,22% (yoy).
- Lạm phát toàn phần tiếp tục ở dưới mức 2%.
- ECB tiếp tục tái đầu tư các khoản thanh toán gốc từ chứng khoán đáo hạn được mua theo APP để duy trì thanh khoản thuận lợi và mức độ dồi dào của tiền tệ.



VEPR Kinh tế châu Âu

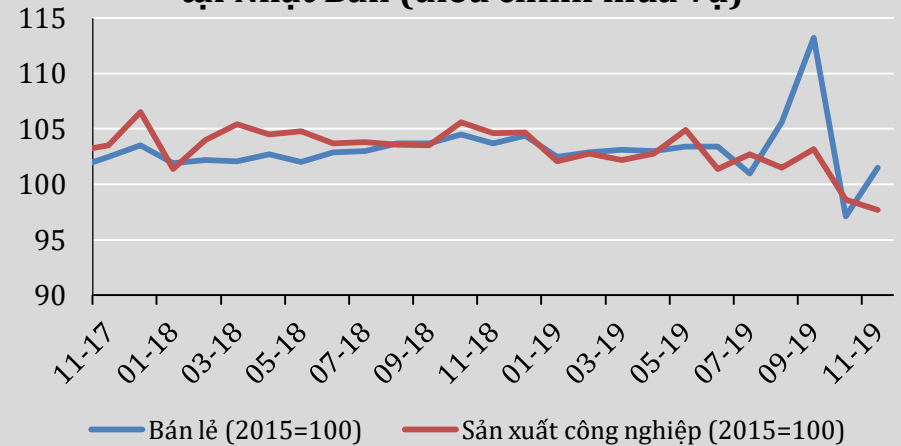
- Đồng USD và Euro đều có xu hướng tăng trở lại trong Quý 4/2019.
- Ngày 10/10, EU tuyên bố áp thuế quan lên tới 66,4% lên thép bánh xe nhập khẩu từ Trung Quốc do mặt hàng này bị cho là bán phá giá ở thị trường EU.
- Kinh tế Anh tiếp tục suy giảm tăng trưởng trong Quý 3 dừng ở mức 1,06%



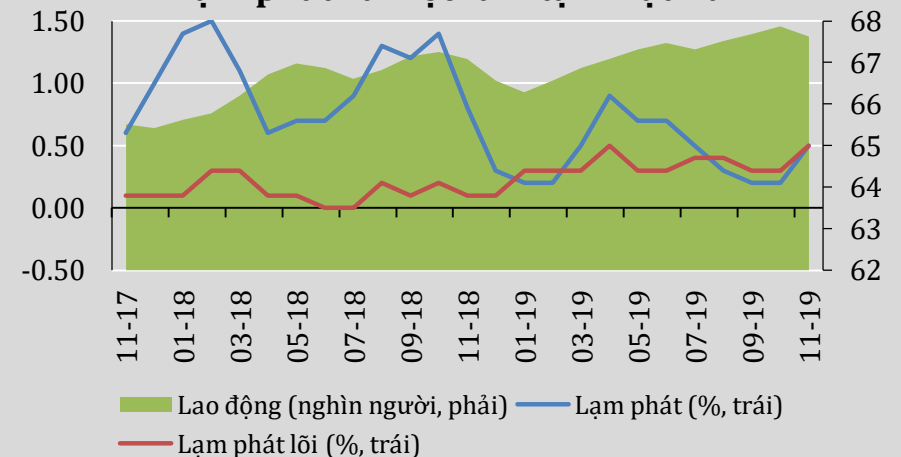
VEPR Kinh tế Nhật Bản

- Kinh tế Nhật Bản trong Quý 3 đạt 1,87% (yoy) do chi tiêu đầu tư sản xuất tăng 0,9%.
- Chỉ số sản xuất công nghiệp giảm xuống còn 97,7 điểm trong tháng Mười Một do căng thẳng thương mại Mỹ-Trung và nhu cầu toàn cầu yếu
- Chính phủ Nhật tung gói kích cầu đầu tiên của Nhật Bản kể từ năm 2016, trị giá 13,2 nghìn tỷ Yên

Chỉ số bán lẻ và sản xuất công nghiệp tại Nhật Bản (điều chỉnh mùa vụ)

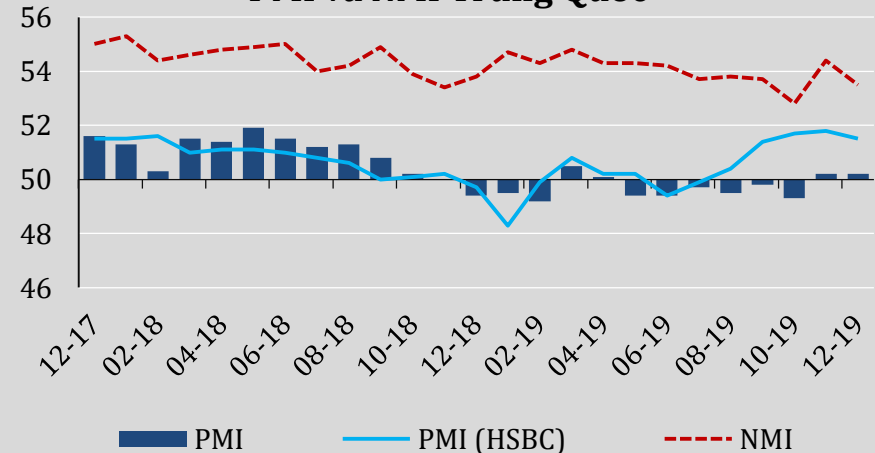


Lạm phát và việc làm tại Nhật Bản

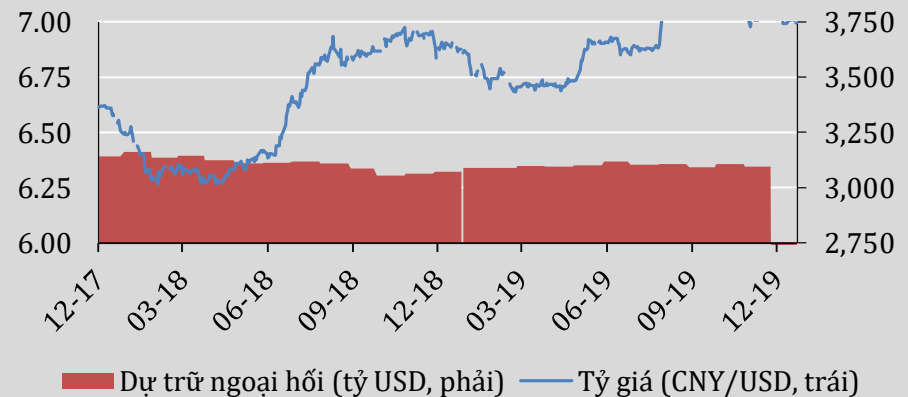


- Kinh tế trong Quý 3/2019 suy giảm tăng trưởng, ở mức 6,0%
- Giá trị xuất khẩu công nghiệp đã giảm 3,8% so với cùng kỳ năm trước ngay sau khi EU tăng thuế lên sản phẩm thép từ Trung Quốc.
- Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBoC) đã cắt giảm lãi suất đối với các khoản vay trung hạn một năm xuống còn 3,25% trong tháng Mười Một.

PMI và NMI Trung Quốc

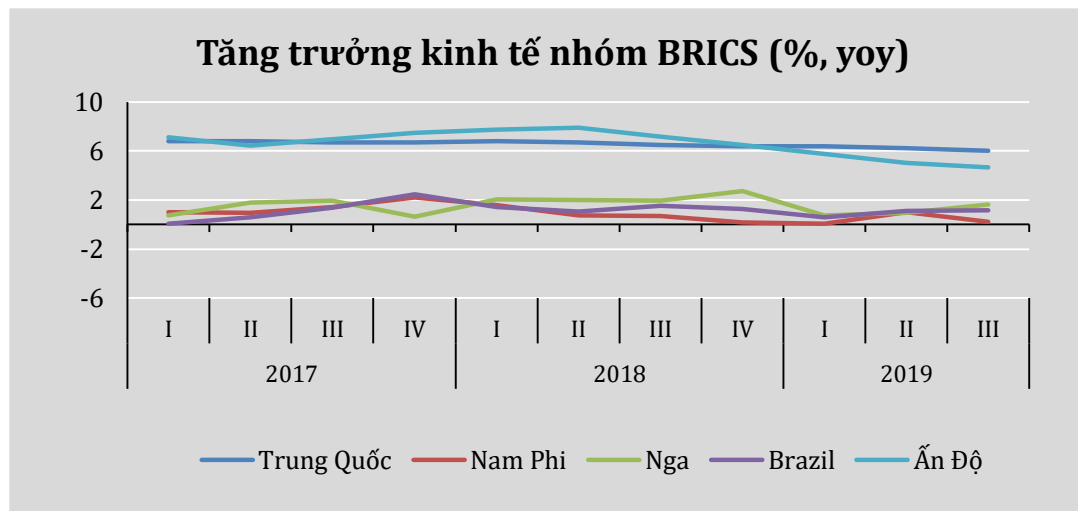


Tỷ giá và dự trữ ngoại hối Trung Quốc



VEPR Các nước BRICS

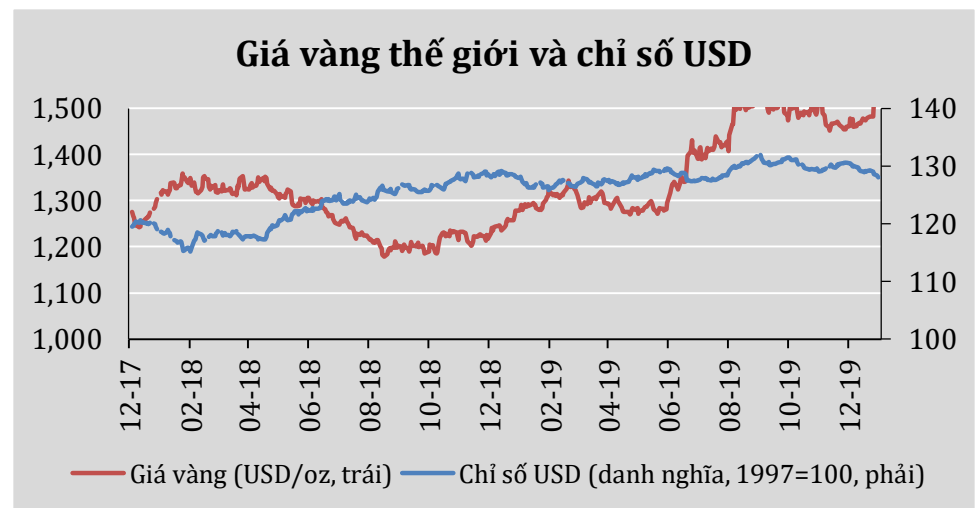
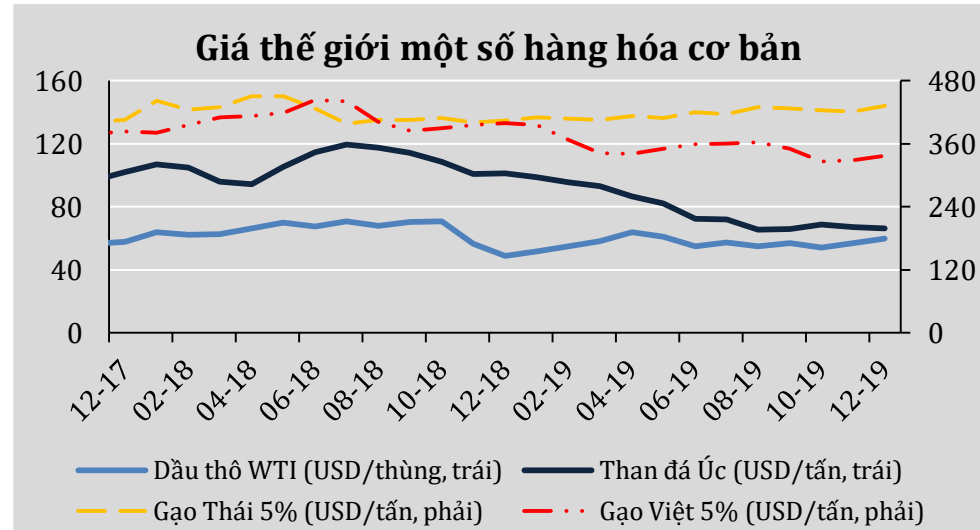
- Kinh tế các nước BRICS tiếp tục tăng trưởng thấp trong Quý 3/2019.
- Tốc độ tăng trưởng của Ấn Độ chỉ còn 4,66% (yoy) do tăng trưởng tiêu dùng nội địa (chiếm 60% GDP) và sản xuất (chiếm 20% GDP) giảm.
- Tăng trưởng kinh tế Nam Phi lại giảm mạnh xuống còn 0,21% do sự suy giảm tăng trưởng trong lĩnh vực khai thác, sản xuất, vận tải



VEPR Khu vực ASEAN

- ASEAN-5 suy giảm tăng trưởng trong Q3/2019.
- Tăng trưởng kinh tế của Phillipines tăng 5,9 % (yoy), do tiêu dùng tư nhân và tăng trưởng chi tiêu của chính phủ đều tăng, và đầu tư cố định tăng mạnh.
- Kinh tế Thái Lan tăng trưởng ở mức 2,4% do xuất khẩu giảm, giá đồng Bath tiếp tục leo thang, tăng trưởng du lịch ảm đạm. Ngân hàng Trung ương Thái lan cắt giảm lãi suất, Chính phủ tung ra một loạt các gói kích cầu nhằm cứu vãn tăng trưởng kinh tế Quý 4.

- Căng thẳng Trung Đông leo thang đã đẩy giá dầu lên mức cao nhất trong bảy tháng vừa qua, kết thúc ở mức 57,1 USD/thùng
- Giá gạo Thái Lan tiếp tục tăng lên tới 432 USD/tấn do hạn hán kéo dài.
- Giá vàng thế giới có xu hướng tăng mạnh sau khi căng thẳng Trung Đông leo thang và giá trị đồng USD giảm.



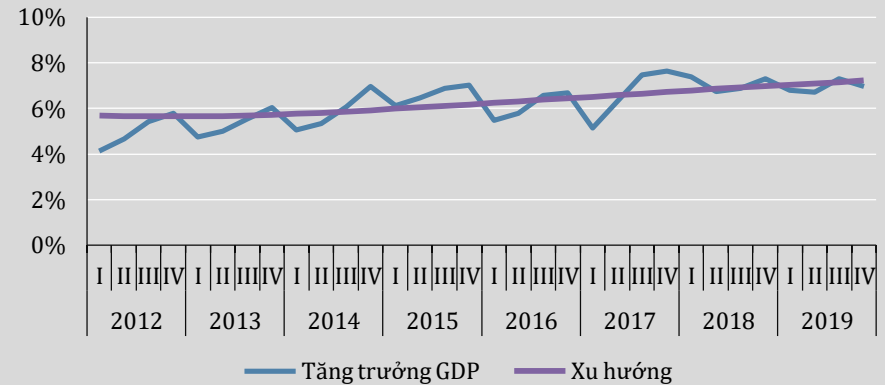
VEPR

Kinh tế Việt Nam

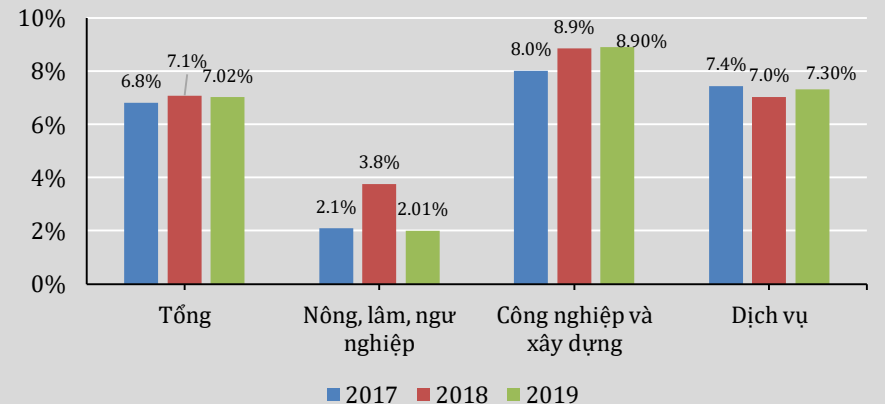
Sản xuất và tăng trưởng

- GDP trong Quý 4/2019 ước tính tăng 6,97% so với cùng kì năm trước. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam cả năm 2019 đạt 7,02%.
- Đóng góp chủ yếu vào mức tăng trưởng vẫn là hai khu vực công nghiệp và xây dựng (50,4%), và khu vực dịch vụ (45%).

Tăng trưởng kinh tế Việt Nam (% , yoy), 2012-2019



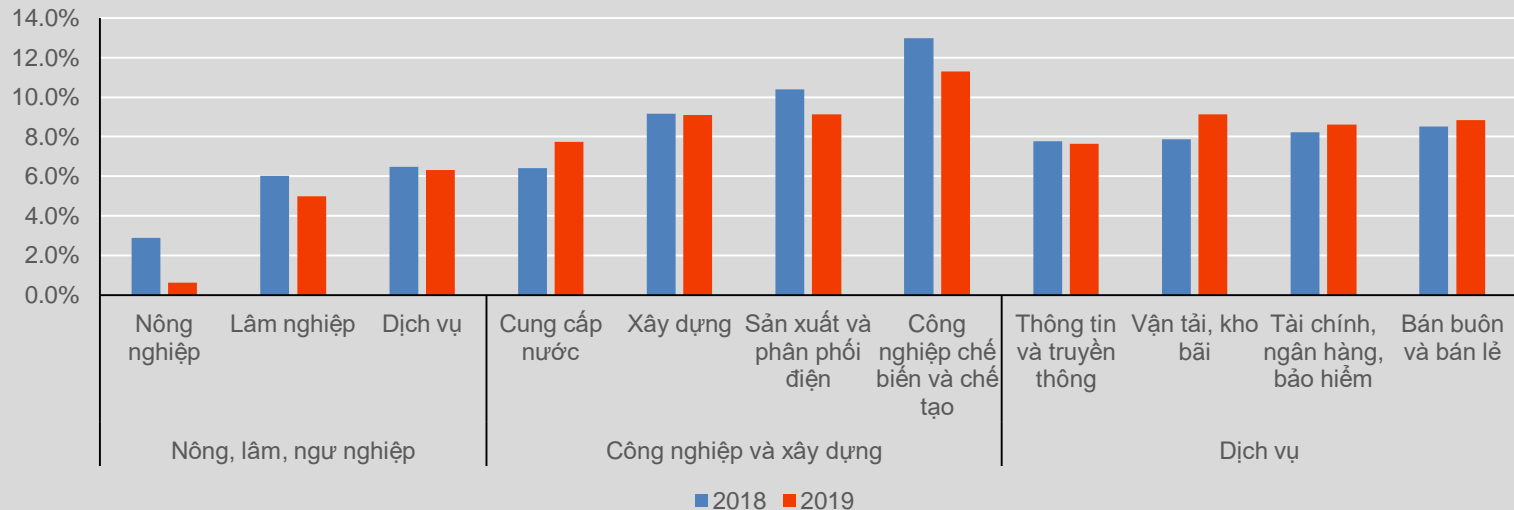
Tăng trưởng kinh tế theo khu vực (% , yoy)



Tăng trưởng trong các khu vực và ngành nghề

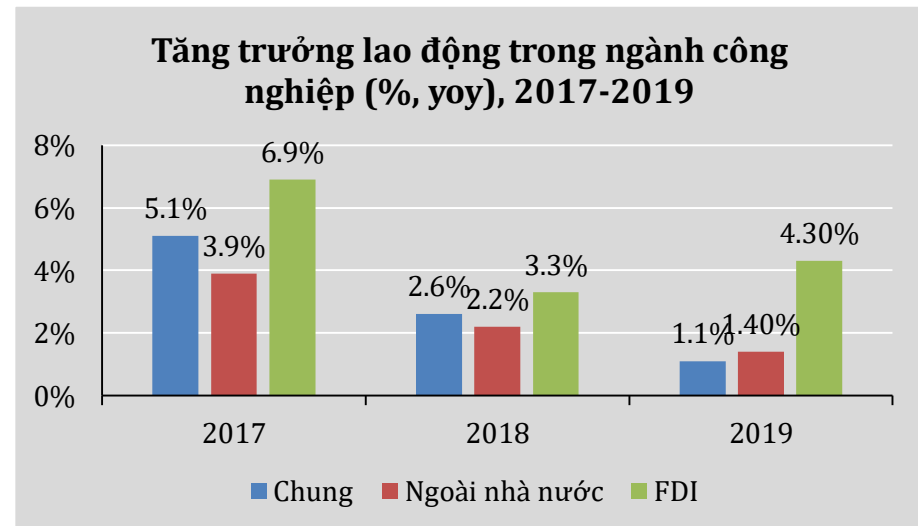
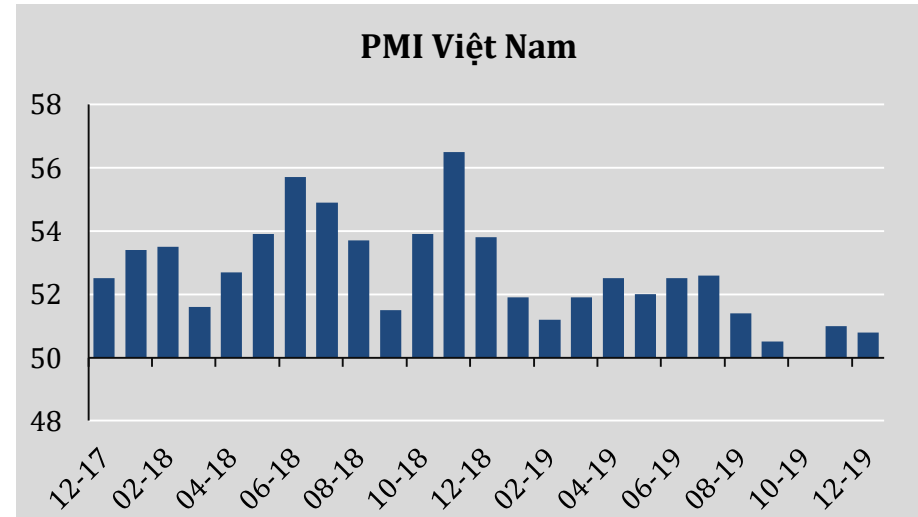
- Khu vực nông, lâm và ngư nghiệp trong năm 2019 đối mặt với nhiều yếu tố bất lợi từ thời tiết như hạn hán, nắng nóng kéo dài; dịch tả lợn châu Phi bùng phát và sự thu hẹp của thị trường xuất khẩu
- Ngành khai khoáng tăng trưởng nhẹ sau ba năm liên tiếp sụt giảm (1,29%).

Tăng trưởng kinh tế theo ngành, 2018-2019
(yoy, %)



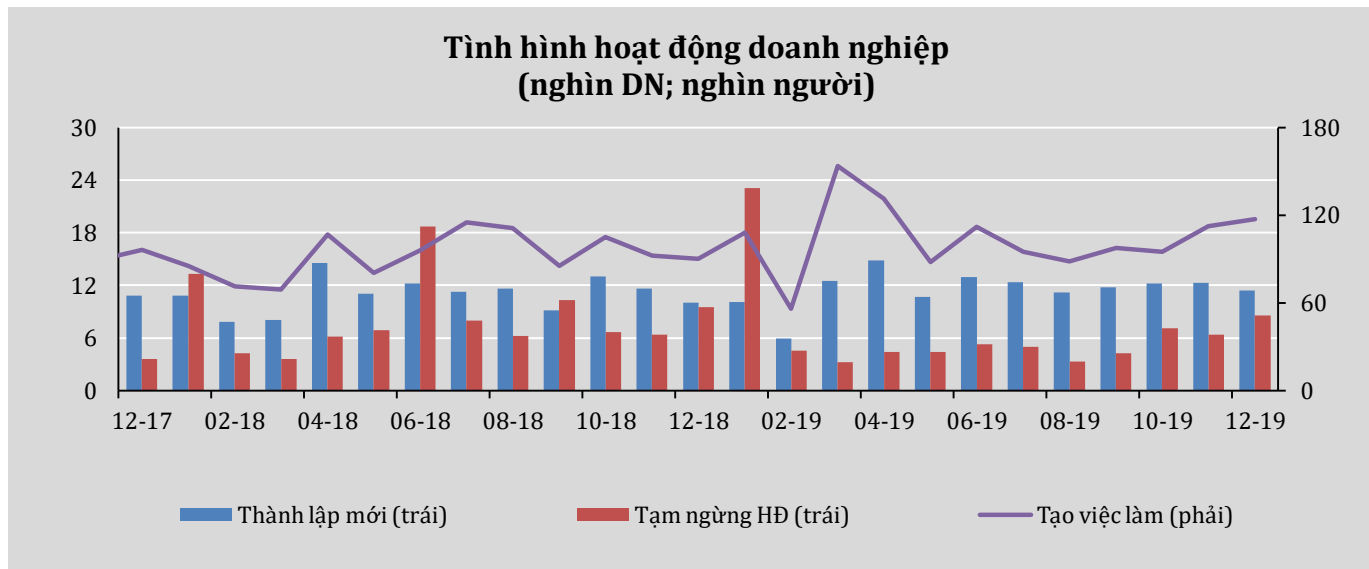
Lao động trong các doanh nghiệp

- Tính hết năm 2019, chỉ số PMI đã đánh dấu chuỗi 49 tháng mở rộng liên tiếp của khu vực sản xuất.
- Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tăng 2,8%



Tình hình thành lập và giải thể của các doanh nghiệp

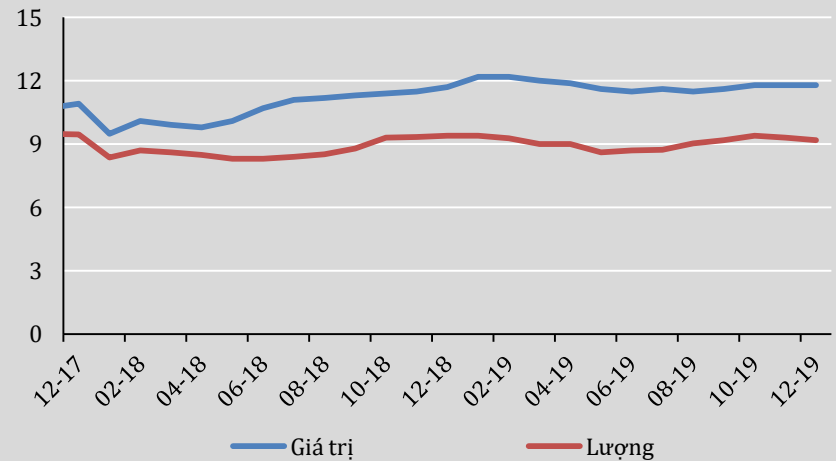
- Tính cả năm 2019, cả nước có tới 138,1 nghìn doanh nghiệp thành lập mới, tăng 5,2%. Tổng số vốn đăng ký và số lao động đăng kí tăng lần lượt là 17,1% và 13,3%.
- Tổng số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động giảm, chỉ còn 72,4 nghìn doanh nghiệp.



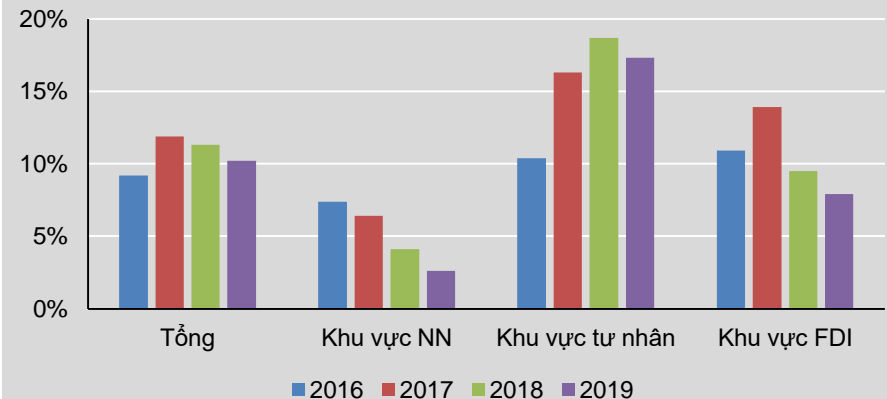
VEPR TỔNG CẦU

- Tính cả năm ,tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 11,8%
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện theo giá hiện hành ước tính đạt 1.856,6 nghìn tỷ đồng (tương đương 33,9% GDP), tăng 10,2% so với năm trước.
- Tỷ lệ GNI/GDP ngày càng giảm, từ 98,6% (năm 2000) xuống còn 93% (năm 2018) => Chi trả sở hữu cho nước ngoài ngày càng nhiều

Tăng trưởng bán lẻ (% , ytd, yoy)

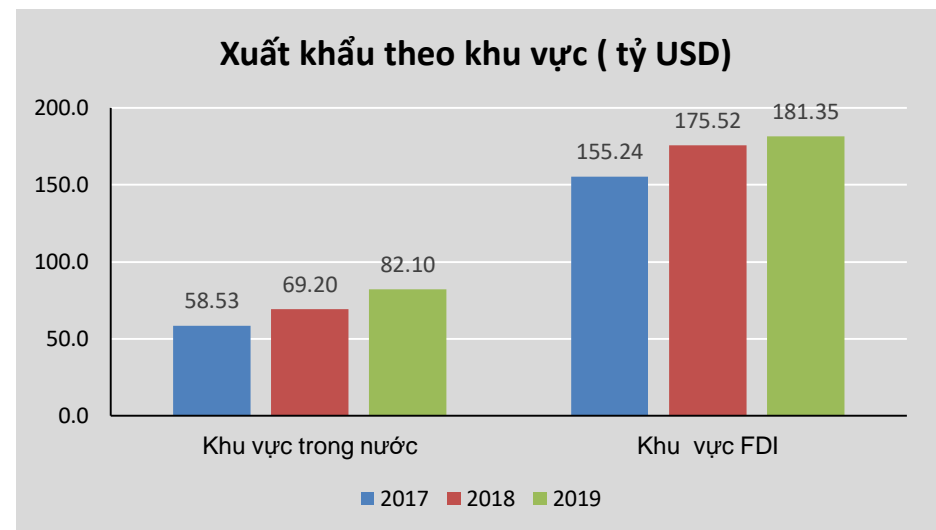
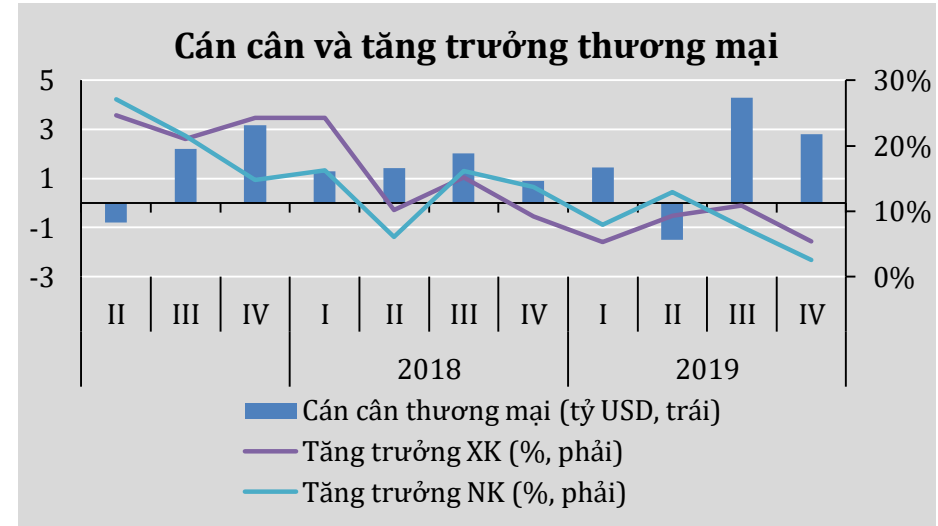


Tăng trưởng vốn đầu tư toàn xã hội theo khu vực, 2016 - 2019 (% , yoy)



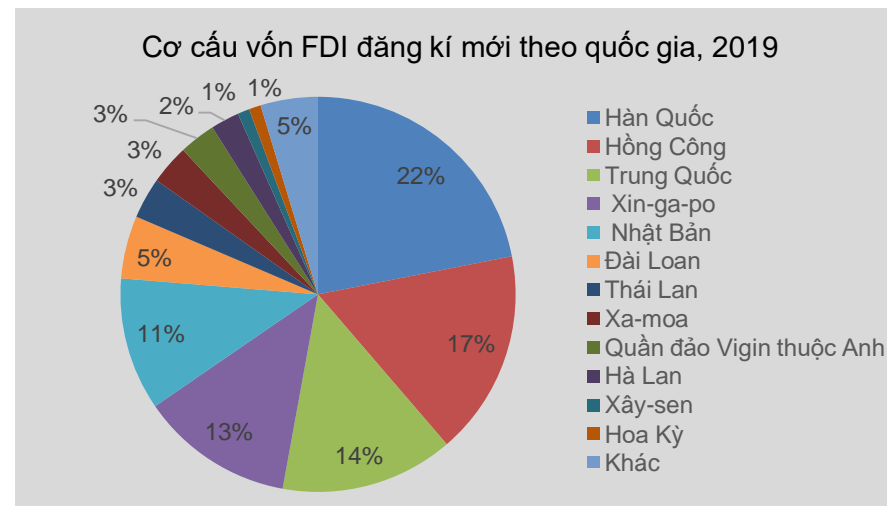
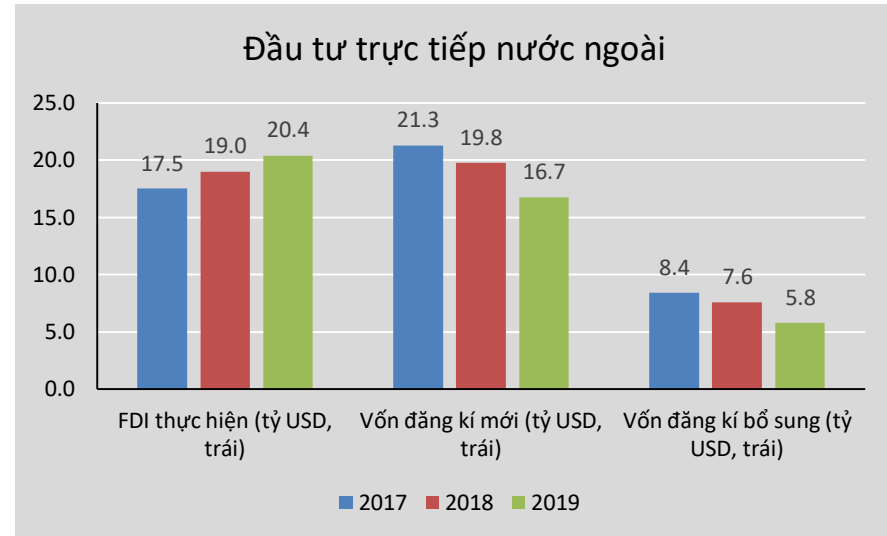
VEPR Thương mại quốc tế

- Cán cân thương mại thặng dư khoảng 9,9 tỷ USD trong năm 2019
- Khu vực FDI xuất siêu 35,85 tỷ USD, khu vực trong nước nhập siêu 25,91 tỷ USD.
- Trong năm 2019 Mỹ trở thành thị trường xuất siêu lớn nhất của Việt Nam với 46,4 tỷ USD.



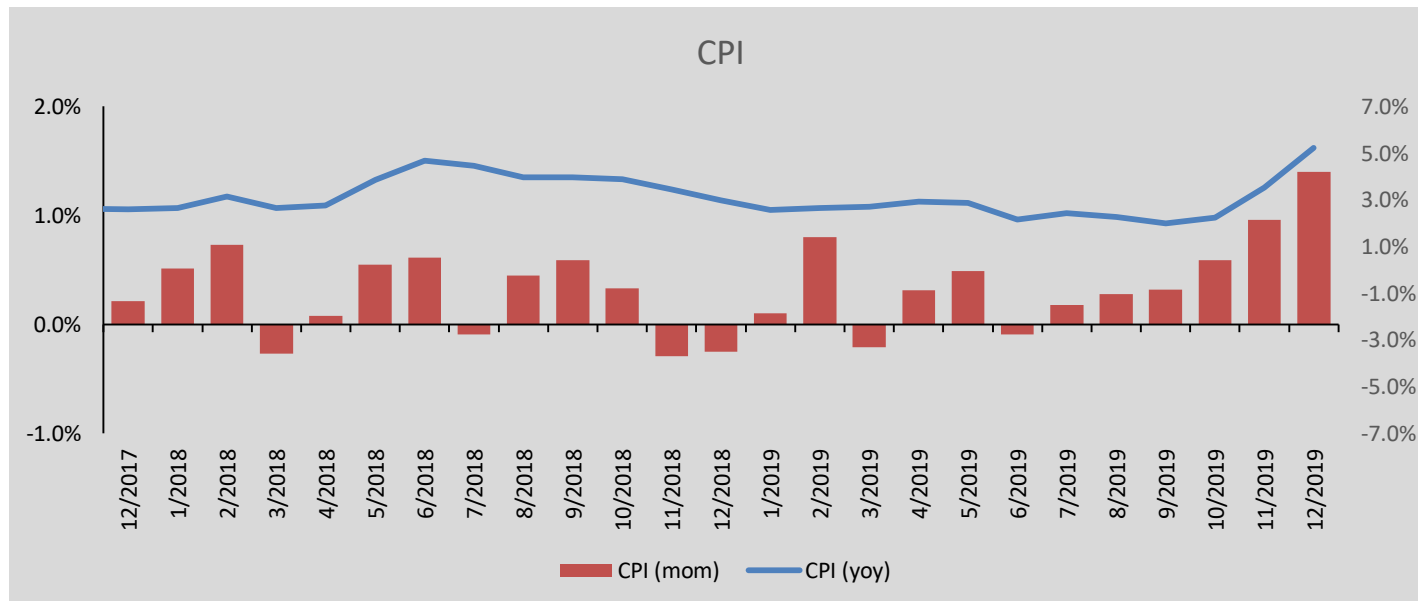
Đầu tư trực tiếp nước ngoài

- Tổng vốn FDI giải ngân đạt 20,4 tỷ USD trong năm 2019, chủ yếu là nhờ nguồn vốn đăng kí dồi dào từ những năm trước.
- Xét theo đối tác đầu tư, Hàn Quốc dẫn đầu trong năm 2019 với tổng số vốn đăng ký đạt 3,66 tỷ USD.



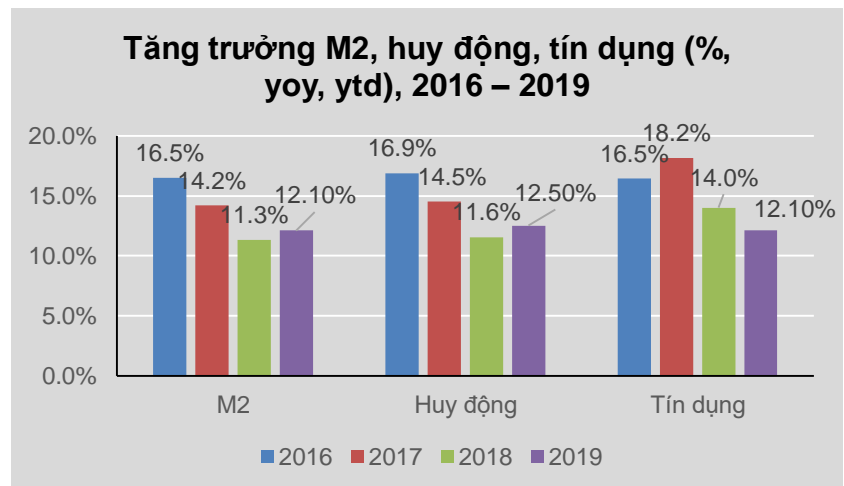
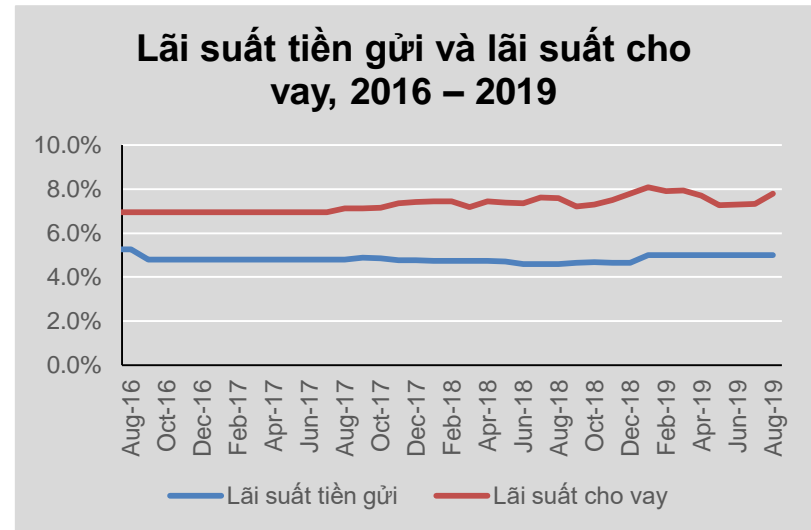
VEPR Lạm phát và tiền tệ

- CPI trong tháng 12/2019 tăng mạnh đến 5,04% (yoy) và 1,4% (mom) do ảnh hưởng của dịch tả lợn châu Phi.
- Tính trong năm 2019, lạm phát bình quân tăng 2,79% (yoy) do điều chỉnh giá điện, giá nhiên liệu bất ổn và giá lương thực thực phẩm tăng cao.



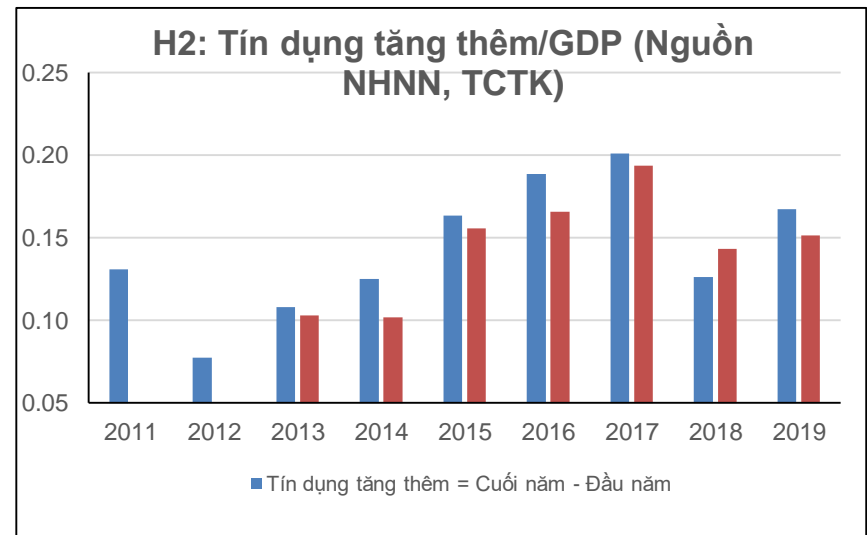
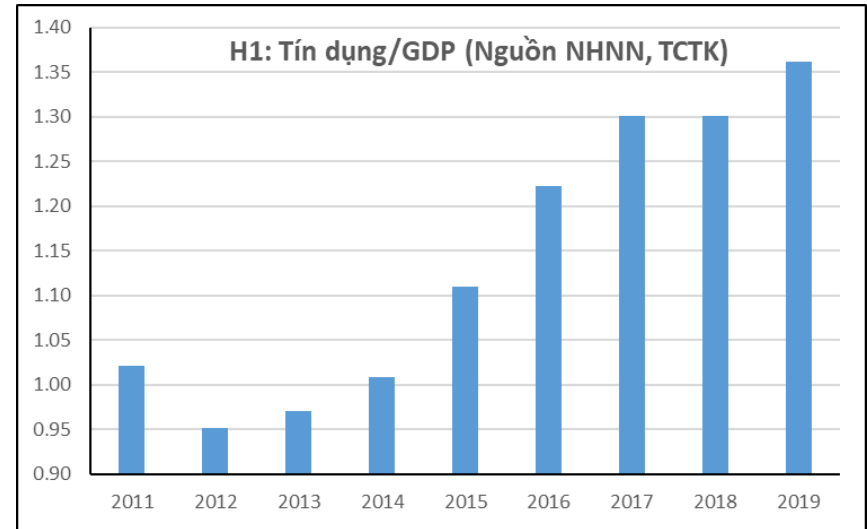
VEPR Lãi suất và tín dụng

- Lãi suất liên ngân hàng biến động mạnh theo xu hướng dốc xuống.
- Cung tiền năm 2019 tăng 12,10%, cao hơn so với 2018 (11,50%).
- Tăng trưởng tín dụng cho các ngành ưu tiên hướng tới các DN vừa và nhỏ và DN thuộc lĩnh vực nông nghiệp.



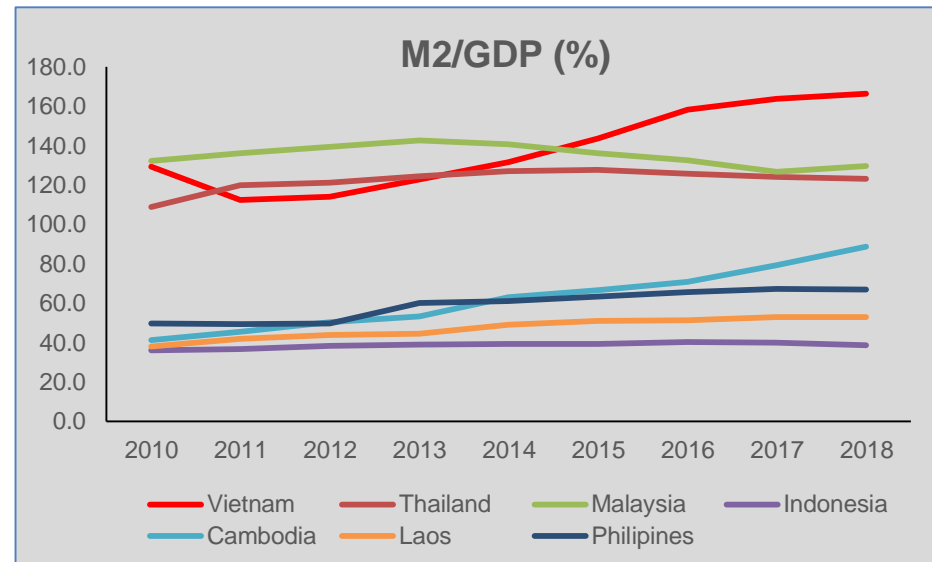
VEPR Lãi suất và tín dụng

- Tỷ lệ tín dụng/GDP tăng mạnh trong giai đoạn 2016-2019 so với 2011-2015 (từ 1,01 lên 1,30).
- Tín dụng tăng thêm mới/GDP cũng cao hơn hẳn giai đoạn trước (từ 0,121 lên 0,171).
- Tăng trưởng tín dụng cho các ngành ưu tiên hướng tới các DN vừa và nhỏ và DN thuộc lĩnh vực nông nghiệp.



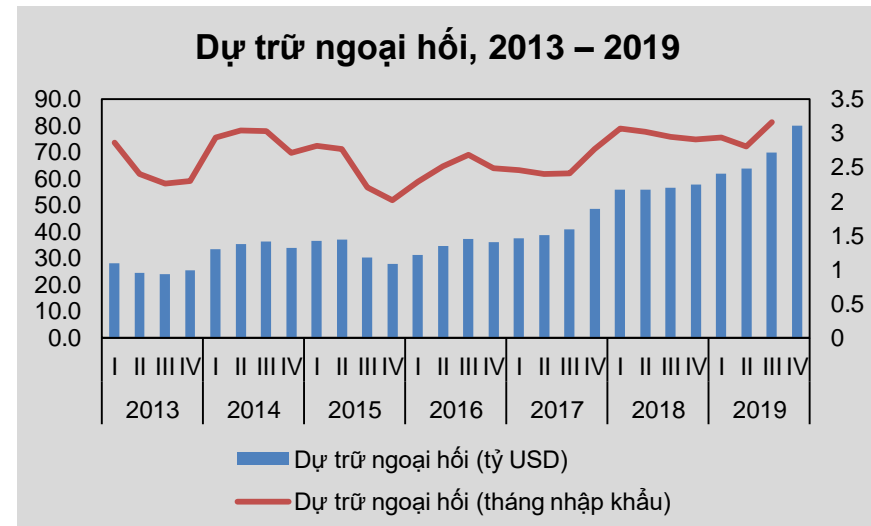
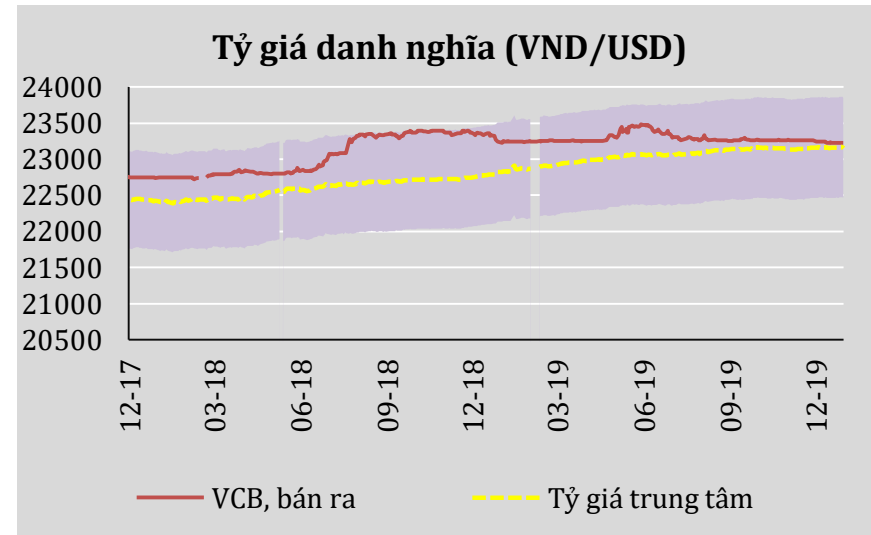
VEPR Lãi suất và tín dụng

- Kết quả là, tỷ lệ M2/GDP đã vượt xa các nước trong khu vực.
- Nguy cơ lạm phát tiền tệ ngày càng lớn.



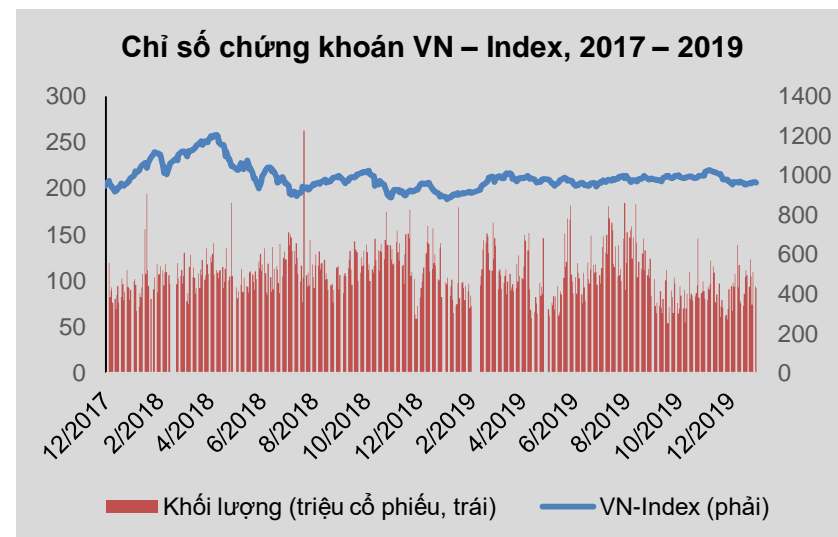
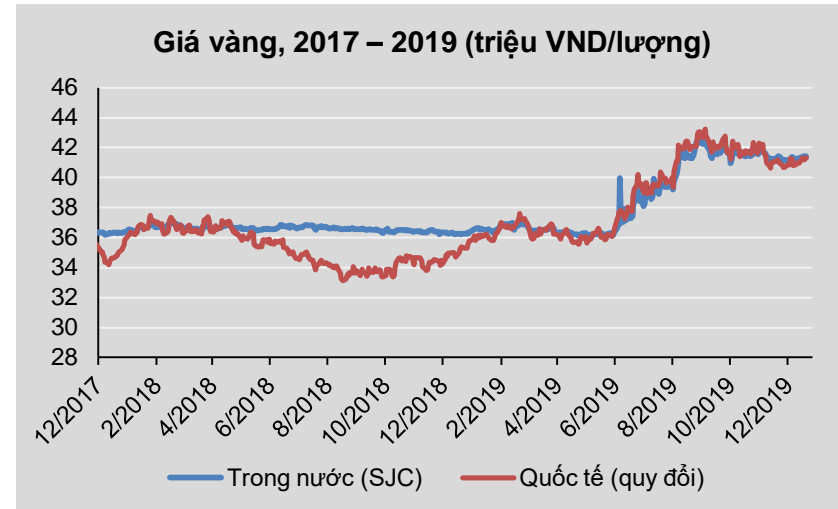
VEPR Tỷ giá VND/USD

- Tỷ giá VND/USD tiếp tục được bình ổn trong Quý 4/2019, dao động nhẹ quanh mức 22.460 – 22.470 VND/USD. Xu hướng này khó có thể duy trì trong Quý 1/2020 do những diễn biến bất ngờ trên trường quốc tế: Mỹ - Trung chưa tìm được tiếng nói chung, bất ổn địa chính trị tại Iran.
- Kết thúc Quý 4/2019, dự trữ ngoại hối đạt gần 80 tỷ USD.



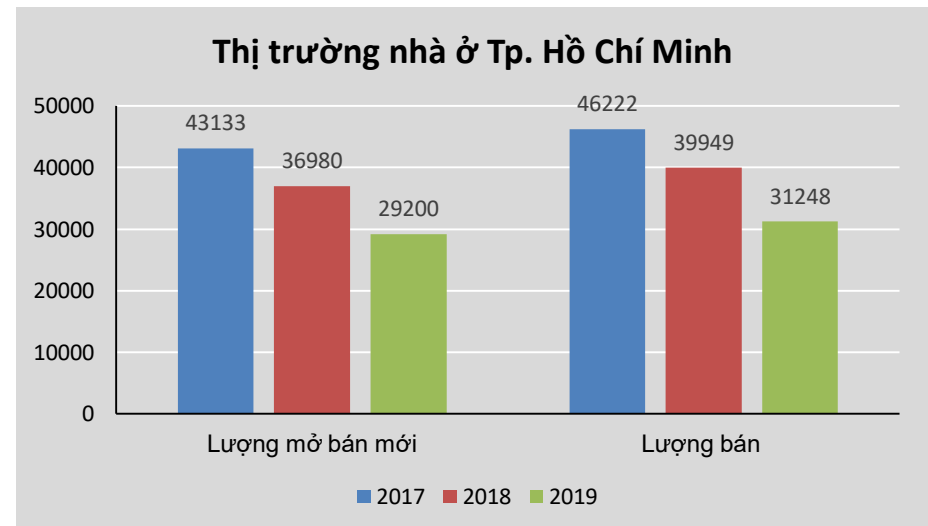
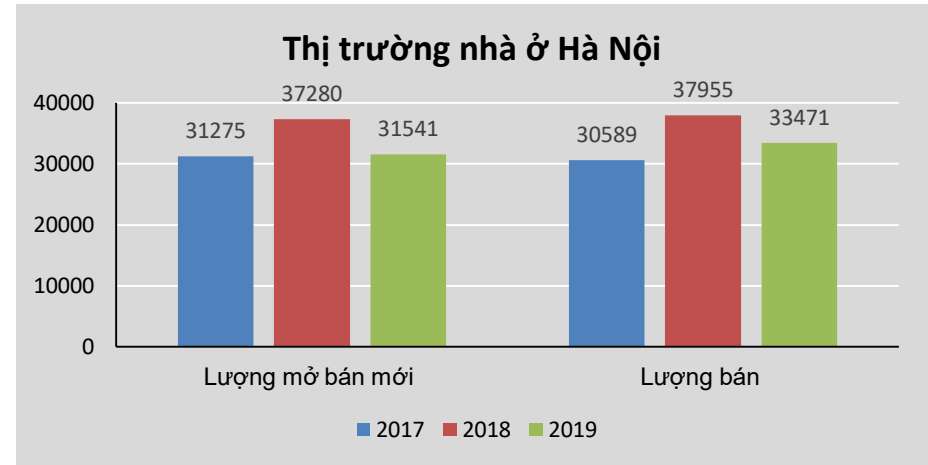
VEPR Thị trường tài sản

- Nhìn chung trong cả năm, giá vàng trong nước theo sát những biến động của thế giới.
- 6/01/2020, giá vàng đã vượt ngưỡng 44 triệu đồng/lượng sau việc Mỹ ám sát tướng Iran làm bùng lên nguy cơ về cuộc chiến tranh ủy quyền tại Iran.
- Thị trường chứng khoán Việt Nam tăng 7,76% trong năm 2019.



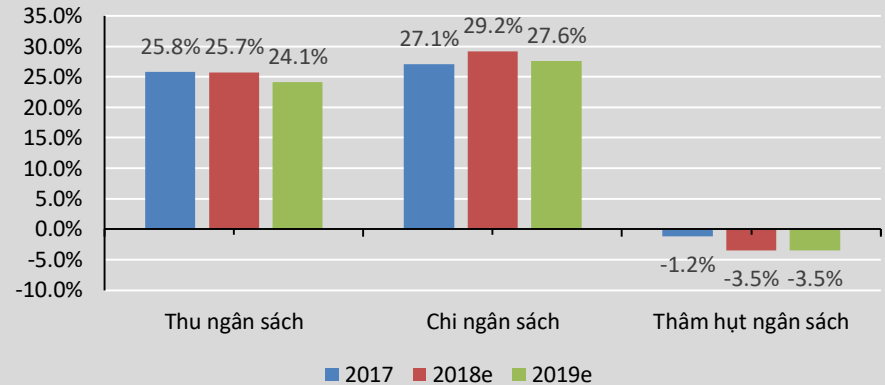
Thị trường bất động sản

- Nguồn cung căn hộ giảm trên cả hai thị trường Hà Nội và TPHCM
- Do việc phê duyệt dự án kéo dài, tại TPHCM, số lượng căn hộ mở bán mới và mở bán chỉ đạt lần lượt 3600 và 5400 căn trong Quý 4/2019.
- Hiệu suất cho thuê bất động sản thấp, đặc biệt tại TPHCM. Tại một số quận của TPHCM, tỷ suất lợi nhuận chỉ đạt từ 4-7%.

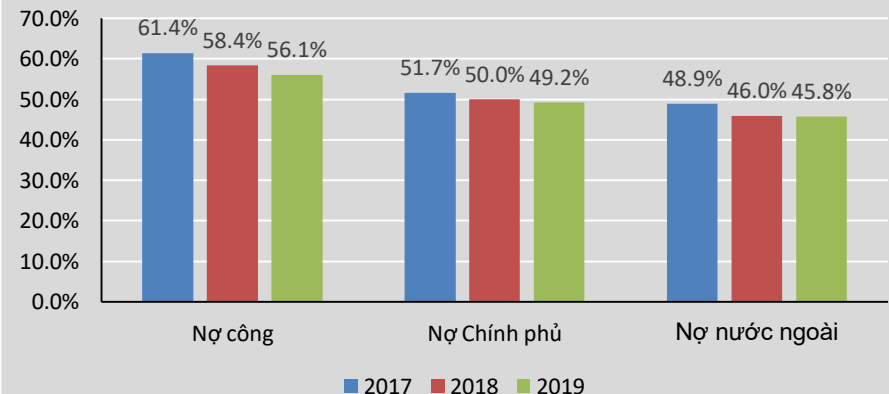


- Năm 2019, tổng thu ngân sách Nhà nước vượt khoảng 3,26% so với dự toán năm, tổng chi ngân sách Nhà nước vượt 2,05%.
- Mức thâm hụt ngân sách của năm 2019 ước tính vào khoảng 209,5 nghìn tỷ đồng, bằng 3,4% GDP.
- Nhằm đáp ứng đủ các khoản chi ngân sách trong năm 2020, Chính phủ đề xuất Quốc hội cho vay thêm hơn 495.000 tỉ đồng để chi tiêu.

Thu chi NSNN (%GDP), 2017 – 2019



Tỷ trọng nợ công, nợ Chính phủ, nợ nước ngoài (% GDP), 2017 – 2019



Triển vọng kinh tế 2020 và các lưu ý chính sách

- Kinh tế thế giới tiếp tục chứng kiến một năm đầy khó khăn.
- Tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2019 đạt 7,02%.
- Ngành nông – lâm – thủy sản tăng trưởng thấp từ Quý 1 do chịu ảnh hưởng xấu từ bệnh dịch và thời tiết.
- Về phía cầu, tăng trưởng vốn đầu tư khu vực nhà nước thấp, trong khi khu vực FDI và tư nhân tăng trưởng và tỷ lệ giải ngân cao. Những căng thẳng thương mại Mỹ - Trung khiến dòng vốn từ Trung Quốc đổ vào Việt Nam Tăng nhanh tiềm ẩn những rủi ro về môi trường và quản lý lao động nước ngoài. .
- Lạm phát mặc dù được kiểm soát ở dưới ngưỡng 4% mà Quốc hội đề ra, tuy nhiên cũng tiềm ẩn không ít lo ngại cho các Quý tiếp theo do : (i) Tết Nguyên đán sẽ đẩy nhu cầu tiêu dùng và sử dụng thực phẩm tăng cao; (ii) căng thẳng địa chính trị tại Iran ảnh hưởng không nhỏ đến giá dầu thô và nhiên liệu

- Trong năm 2019, Việt Nam trở thành một trong bảy đối tác xuất khẩu nhiều nhất sang Mỹ, cùng với lượng dự trữ ngoại hối tăng tới hơn 71 tỷ USD, Việt Nam có nguy cơ bị Mỹ cáo buộc thao túng tiền tệ.
- => NHNN cần trọng trong việc điều hành chính sách tiền tệ, linh hoạt và khách quan.
- Lãi suất liên ngân hàng biến động mạnh trong năm 2019, theo chiều hướng giảm dần. Việt Nam cần xây dựng hành lang pháp lý minh bạch và cụ thể theo kịp tốc độ phát triển của kinh tế để khuyến khích doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh.

	Tăng trưởng kinh tế	Lạm phát
Quý 1	6,33	4,88
Quý 2	6,27	4,49
Quý 3	6,58	4,13
Quý 4	6,64	4,04
Cả năm	6,48	

Xin chân thành cảm ơn!

Câu hỏi và thảo luận

Trao đổi xin gửi về:

Email: nguyen.ducthanh@vepr.org.vn

Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách,
Trường ĐH Kinh tế, ĐH Quốc gia HN
P.707, Nhà E4, 144, Xuân Thủy, Cầu Giấy

Email: info@vepr.org.vn

Tel: 04.37547506 ext 714/ 0975608677

Fax: 04.37549921